

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
VIETNAM ELECTRICITY
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
POWER ENGINEERING CONSULTING
JOINT STOCK COMPANY 2

Số/No.: 1123 /PECC2-TCKT

V/v Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Báo cáo tài chính sau kiểm toán.

Re: Explanation for the fluctuation of 2025's after-tax profit in Audited Financial Statements.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, 28 March 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN);
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

To: - *State Securities Committee (SSC);*
- *Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE);*

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (Mã chứng khoán: TV2) (“Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Quý Ủy ban trong thời gian qua.

Power Engineering Consulting Joint Stock Company 2 (Stock Code: TV2) (the “Company”) respectfully extends sincere appreciation to the Commission and the Exchange for the continuous support and guidance.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin được giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ 2024 như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance providing guidelines on disclosure of information on the securities market, the Company would like to provide an explanation for the fluctuations of profit after corporate income tax (CIT) exceeding 10% compared to the same period in 2024, as follows:

Đơn vị: đồng/ Currency: VND

Chỉ tiêu/ Item	2025	2024	Chênh lệch/ Difference	Thay đổi (%)/ Variance
Báo cáo tài chính Hợp nhất/ Consolidated Financial Statements: Lợi nhuận sau thuế TNDN/ Profit after corporate income tax	95.611.374.592	75.529.290.162	20.082.084.430	26,6%
Báo cáo tài chính Riêng/ Separate Financial Statements: Lợi nhuận sau thuế TNDN/ Profit after corporate income tax	79.955.480.048	64.670.405.839	15.285.074.209	23,6%

Nguyên nhân chênh lệch/ Reason for the Difference:

Báo cáo tài chính Hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế 2025 tăng 26,6% (tương ứng tăng 20,1 tỷ) do trong năm 2025 hoạt động của các Công ty liên kết của PECC2 đã được cải thiện tích cực.

Consolidated Financial Statements: Profit after tax for 2025 increased by 26.6% year-on-year, representing an increase of VND 20.1 billion, as the performance of these affiliated companies improved significantly in 2025.

Báo cáo tài chính Riêng: Lợi nhuận sau thuế 2025 tăng 23,6% (tương ứng tăng 15,3 tỷ) chủ yếu đến từ thu nhập định giá lại tài sản đem đi góp vốn thành lập Công ty con của PECC2.

Separate Financial Statements: Profit after tax for 2025 increased by 23.6% year-on-year, representing an increase of VND 15.3 billion, mainly arising from gains on the revaluation of assets contributed as capital to establish a subsidiary of PECC2.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban được biết và cam kết các thông tin công bố là chính xác, trung thực, và tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành.

The Company respectfully submits this explanation for the Commission's and the Exchange's consideration, and affirms that all information disclosed herein is accurate, truthful, and in full compliance with applicable legal regulations.

Trân trọng./.

Yours sincerely./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên;
- As above;
- Lưu: VT, TCKT;
- Archived: General Affairs Division, Financial & Accounting Division

Đính kèm/Attached:

- Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán.
 - Audited Financial Statements of 2025
- Địa chỉ website đăng tải BCTC:
<http://www.pecc2.com>.
Website address for publishing financial statements: <http://www.pecc2.com>.

Đại diện tổ chức
Organization representative
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



NGUYỄN CHƠN HÙNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 63

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") nay là Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện: lưới điện, nhiệt điện, thủy điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có sáu (6) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Nguồn điện và Trung tâm quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Quản lý Nhà máy Điện mặt trời (trước đây là Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng) tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Lào tọa lạc tại Bản Thongtoun, Quận Chanthabouly, Vientiane, Lào (bắt đầu hoạt động từ ngày 15 tháng 1 năm 2026); và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar (đã chấm dứt hoạt động vào ngày 6 tháng 2 năm 2026).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên độc lập

BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Cao Nguyên	Người phụ trách	bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Người phụ trách	miễn nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2025

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám Đốc	
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Liên Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2026

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám Đốc

Bà Phạm Liên Hải, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Chơn Hùng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12856147/E-68610031-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 63, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Như đã trình bày ở *Thuyết minh số 2.6*, báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được kiểm toán.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Phan Thị Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5997-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.110.423.406.327	1.331.536.969.066
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	928.279.769.651	199.941.912.365
111	1. Tiền		324.832.215.173	77.041.912.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		603.447.554.478	122.900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		182.500.000.000	103.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	182.500.000.000	103.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		935.302.369.888	839.478.222.076
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	919.936.202.384	799.975.381.730
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	21.087.376.038	12.423.496.420
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	45.849.287.024	60.632.683.833
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8	(51.570.495.558)	(33.553.339.907)
140	IV. Hàng tồn kho	10	56.727.051.969	155.964.470.035
141	1. Hàng tồn kho		57.494.381.586	155.964.470.035
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(767.329.617)	
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.614.214.819	33.152.364.590
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	7.084.432.728	7.273.128.469
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	529.782.091	25.586.204.459
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	293.031.662

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		869.448.357.761	864.828.593.292
210	I. Khoản phải thu dài hạn		519.309.122	2.297.171.065
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	519.309.122	2.297.171.065
220	II. Tài sản cố định		396.594.405.763	428.444.362.593
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	261.874.484.271	290.977.761.410
222	Nguyên giá		551.670.727.979	543.818.259.662
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(289.796.243.708)	(252.840.498.252)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	134.719.921.492	137.466.601.183
228	Nguyên giá		214.842.873.391	212.603.701.470
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(80.122.951.899)	(75.137.100.287)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		5.246.125.668	5.080.712.032
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.246.125.668	5.080.712.032
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	449.111.344.362	421.869.103.380
252	1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết		401.904.436.940	374.632.102.780
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		47.237.000.600	47.237.000.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.093.178)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.977.172.846	7.137.244.222
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	8.675.712.606	6.146.993.538
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.3	9.301.460.240	990.250.684
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.979.871.764.088	2.196.365.562.358

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.703.992.925.383	926.497.005.420
310	I. Nợ ngắn hạn		1.618.082.620.900	838.784.426.938
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	197.144.352.196	363.280.167.041
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	984.346.947.269	21.395.630.576
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	28.163.327.266	5.927.699.475
314	4. Phải trả người lao động	19	215.537.704.333	122.588.639.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	36.492.134.097	46.931.800.042
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	3.152.887.321	2.953.850.505
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	7.770.961.167	55.372.475.795
320	8. Vay ngắn hạn	22	81.229.042.287	141.024.677.085
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	21.859.186.988	22.806.723.632
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		42.386.077.976	56.502.762.918
330	II. Nợ dài hạn		85.910.304.483	87.712.578.482
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	17	2.241.081.250	2.241.081.250
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	60.834.854.106	60.408.087.975
337	3. Phải trả dài hạn khác	20	1.738.574.028	1.558.376.028
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	21.095.795.099	23.505.033.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.275.878.838.705	1.269.868.556.938
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.275.828.313.308	1.269.818.031.541
411	1. Vốn cổ phần	25.1	675.261.650.000	675.261.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		675.261.650.000	675.261.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	4.922.641.050	4.922.641.050
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	25.1	12.641.457.169	12.641.457.169
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.722.825)	-
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	403.756.948.209	390.822.867.041
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	176.284.976.380	186.162.728.081
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		81.649.276.913	110.633.437.919
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		94.635.699.467	75.529.290.162
422	7. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	25.1	6.688.200	6.688.200
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25.6	2.955.675.125	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		50.525.397	50.525.397
431	1. Nguồn kinh phí		50.525.397	50.525.397
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.979.871.764.088	2.196.365.562.358

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.334.591.656.147	1.372.013.264.461
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(1.135.766.350.258)	(1.177.687.040.962)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		198.825.305.889	194.326.223.499
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	17.450.976.699	18.859.526.345
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	28	(6.452.443.699) (5.110.254.283)	(8.905.584.710) (8.064.985.949)
24	6. Phần lãi trong các công ty liên kết		27.272.334.160	4.428.813.472
25	7. Chi phí bán hàng	29	(3.154.253.049)	(5.521.830.170)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(144.059.192.443)	(112.390.220.463)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		89.882.727.557	90.796.927.973
31	10. Thu nhập khác	30	24.634.084.036	4.958.494.599
32	11. Chi phí khác	30	(3.240.648.679)	(3.040.508.923)
40	12. Lợi nhuận khác		21.393.435.357	1.917.985.676
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		111.276.162.914	92.714.913.649
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(23.975.997.878)	(14.964.439.993)
52	15. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	32.3	8.311.209.556	(2.221.183.494)
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		95.611.374.592	75.529.290.162

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

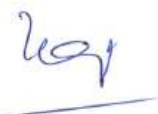
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		94.635.699.467	75.529.290.162
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25.6	975.675.125	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.5	1.401	762
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25.5	1.401	762

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thụy Mỹ Duyên
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		111.276.162.914	92.714.913.649
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	31	45.849.666.697	48.085.020.293
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		21.662.772.603	(20.670.845.319)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		291.841.362	420.157.282
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(44.190.200.962)	(21.114.228.550)
06	Chi phí lãi vay	28	5.110.254.283	8.064.985.949
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		140.000.496.897	107.500.003.304
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(81.128.281.572)	416.020.319.753
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		98.470.088.449	(83.577.504.585)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		828.468.967.602	(203.895.920.991)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.340.023.327)	(632.343.932)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.171.561.044)	(8.202.526.131)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(6.967.253.900)	(17.548.149.883)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.109.636.994)	(16.601.988.216)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		933.222.796.111	193.061.889.319
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(13.722.749.793)	(21.303.642.681)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		175.430.000	51.150.000
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(206.500.000.000)	(75.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		127.000.000.000	117.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(22.853.400.000)
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		12.163.736.291	13.147.357.528
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(80.883.583.502)	11.041.464.847

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	25.6	1.980.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	21	239.406.016.965	313.249.256.615
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(299.201.651.763)	(378.955.229.124)
36	Cổ tức đã trả	25.3	(67.656.616.000)	(67.791.659.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(125.472.250.798)	(133.497.631.509)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		726.866.961.811	70.605.722.657
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		199.941.912.365	127.329.031.923
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.470.895.475	2.007.157.785
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	928.279.769.651	199.941.912.365

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026

Phạm Linh Chi

Phạm Linh Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc Lý

Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") nay là Sở Tài chính ("STC") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 22 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện: lưới điện, nhiệt điện, thủy điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là "EPC") cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là "O&M"); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện, năng lượng sinh khối và nhà máy điện khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty gồm có sáu (6) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- ▶ Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Nguồn điện và Trung tâm quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Quản lý Nhà máy Điện mặt trời (trước đây là Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng) tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Lào tọa lạc tại Bản Thongtoun, Quận Chanthabouly, Vientiane, Lào (bắt đầu hoạt động vào ngày 15 tháng 1 năm 2026); và
- ▶ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar (đã chấm dứt hoạt động vào ngày 6 tháng 2 năm 2026).

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.371 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.309).

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có 4 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024 - chưa kiểm toán: 0), trong đó:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (chưa kiểm toán)	
			Tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty	Quyền biểu quyết của Nhóm Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty	Quyền biểu quyết của Nhóm Công ty	Tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty	Quyền biểu quyết của Nhóm Công ty
Các công ty con trực tiếp: Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2	Số 2 Đường Mỹ Phú 2B, Khu phố 6, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý, vận hành các hạng mục nhà máy chính, công trình phụ trợ, căng và thiết bị khác cho nhà máy điện.	50,5%	50,5%	-	-	-	-
	Số 45 Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ khảo sát, xây dựng, tư vấn kỹ thuật, thí nghiệm và thi công công trình	100%	100%	-	-	-	-
	Số 45 Đường số 2, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp cho nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp	100%	100%	-	-	-	-
Công ty con gián tiếp: Công ty TNHH MTV PESE (Lào) (*)	Bản Thatluang, Quận Saysetha, Vientiane, Lào	Tư vấn các công trình điện lực; dịch vụ khảo sát thiết kế các công trình điện lực; dịch vụ lắp đặt và vận hành nhà máy	100%	100%	-	-	-	-

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty chưa hoàn tất việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV PESE (Lào).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6. Thông tin so sánh

Như trình bày tại *Thuyết minh số 4*, Nhóm Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập các công ty con trong năm 2025. Do đó, năm 2025 là năm đầu tiên Nhóm Công ty lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cho mục đích so sánh, Nhóm Công ty đã lập và trình bày bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo này chưa được kiểm toán.

2.7. Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Nhóm Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo từng công trình |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng đã bán, đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Nhóm Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa, hoàn thiện theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được thực hiện cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành, bàn giao trong năm. Khoản dự phòng phải trả về chi phí dự phòng bảo hành công trình xây dựng được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung. Trường hợp số dư phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi vào thu nhập khác.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và công trình xây dựng tương tự. Trong đó, dự phòng bảo hành về công trình xây dựng được ước tính với tỷ lệ từ 0,5% đến 1% doanh thu phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1 Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì Cảng PECC2 ("PPOM")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 040902/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 4 năm 2025 về việc thành lập PPOM, PPOM đã nhận được GCNĐKDN số 0318926353 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025 với vốn điều lệ là VND 4.000.000.000. Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp vốn bằng tiền vào PPOM với tổng giá trị 2.020.000.000 VND, tương ứng với 50,5% sở hữu vào PPOM vào ngày 26 tháng 5 năm 2025.

4.2 Góp vốn thành lập Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng ("PSC")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 070101/2025/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 7 năm 2025 về việc thành lập PSC, PSC đã nhận được GCNĐKDN số 0319091058 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 8 năm 2025 với vốn điều lệ là VND 20.620.000.000. Công ty đã hoàn tất việc góp vốn thành lập PSC bằng tài sản với giá trị được đánh giá lại là VND 16.993.493.101 và bằng tiền với giá trị là VND 3.626.506.899, tương ứng 100% sở hữu tại PSC vào ngày 18 tháng 8 năm 2025.

4.3 Góp vốn thành lập Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Năng lượng PECC2 ("PESE")

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 090901/2025/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 9 năm 2025 về việc thành lập PESE, PESE đã nhận được GCNĐKDN số 0319188606 do STC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 9 năm 2025 với vốn điều lệ là 69.000.000.000. Công ty đã hoàn tất góp vốn thành lập PESE bằng tài sản với giá trị được đánh giá lại là VND 49.346.468.500 và bằng tiền với giá trị là VND 19.653.531.500, tương ứng 100% sở hữu tại PESE vào ngày 1 tháng 10 năm 2025.

4.4 Thành lập Công ty TNHH MTV PESE (Lào) ("PESE Lào")

Theo Quyết định số 0178/QĐ-PESE ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc thành lập PESE Lào, PESE Lào đã nhận được Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 033093/ĐKDN cấp ngày 27 tháng 10 năm 2025 bởi Cục Đăng ký Doanh nghiệp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty chưa hoàn tất việc góp vốn vào Công ty TNHH MTV PESE (Lào).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền mặt	2.416.907.439	2.881.792.836
Tiền gửi ngân hàng	322.415.307.734	74.160.119.529
Các khoản tương đương tiền (*)	603.447.554.478	122.900.000.000
TỔNG CỘNG	928.279.769.651	199.941.912.365

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 4,75%/năm (31 tháng 12 năm 2024: từ 2,1% đến 3,9%/năm).

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh ("TM") số 21*, Nhóm Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 2.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 6,1%/năm (31 tháng 12 năm 2024: từ 3,4%/năm đến 4,7%/năm).

Như đã được trình bày tại *TM số 21*, Nhóm Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 10.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Phải thu từ các bên liên quan (<i>TM số 33</i>)	563.068.623.727	534.850.802.606
Phải thu từ các bên khác	356.867.578.657	265.124.579.124
TỔNG CỘNG	919.936.202.384	799.975.381.730
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.035.301.454)	(33.128.687.657)
GIÁ TRỊ THUẦN	868.900.900.930	766.846.694.073

Như được trình bày tại *TM số 21*, một số khoản phải thu của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Số đầu năm (<i>chưa kiểm toán</i>)	33.128.687.657	49.864.971.133
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	20.723.289.327	9.319.179.643
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(12.000.000)	(1.841.936.492)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.804.675.530)	(24.213.526.627)
Số cuối năm	51.035.301.454	33.128.687.657

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Số cuối năm			Số đầu năm (chưa kiểm toán)			VND	
	Nợ gốc	Dự phòng		Giá trị thuần	Nợ gốc	Dự phòng		
Công ty TNHH KC Cottrell Việt Nam	17.124.148.800	10.022.852.300		7.101.296.500	-	-	-	
Công ty TNHH Hamon Việt Nam	5.391.339.686	5.391.339.686		-	5.391.339.686		-	
Các bên khác	40.535.316.137	35.621.109.468		4.914.206.669	35.189.576.387	27.737.347.971	7.452.228.416	
TỔNG CỘNG	63.050.804.623	51.035.301.454		12.015.503.169	40.580.916.073	33.128.687.657	7.452.228.416	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Trả trước cho các nhà cung cấp	21.087.376.038	12.215.545.520
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh</i>	8.448.835.900	-
<i>Nhà cung cấp khác</i>	12.638.540.138	12.215.545.520
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 33)	-	207.950.900
TỔNG CỘNG	21.087.376.038	12.423.496.420
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(535.194.104)	(424.652.250)
GIÁ TRỊ THUẦN	20.552.181.934	11.998.844.170

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	45.849.287.024	60.632.683.833
Thu hộ	18.530.346.891	40.359.998.211
Tạm ứng cho nhân viên	16.270.558.684	10.433.096.615
Lãi phải thu	3.424.373.956	405.396.163
Phải thu cổ tức	1.671.304.500	99.411.600
Lãi trả chậm thu hộ	712.316.417	5.125.400.761
Khác	5.240.386.576	4.209.380.483
Dài hạn	519.309.122	2.297.171.065
Ký quỹ, ký cược	519.309.122	2.297.171.065
TỔNG CỘNG	46.368.596.146	62.929.854.898
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	44.697.291.646	57.705.042.537
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	1.671.304.500	5.224.812.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.672.459.867	140.974.342.286
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn IV	10.332.124.740	-
Các công trình lưới điện	6.607.442.925	3.777.168.438
Dự án nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	-	85.285.059.057
Các công trình khác	25.732.892.202	51.912.114.791
Nguyên vật liệu	12.902.321.118	12.271.000.120
Công cụ, dụng cụ	1.789.243.601	445.775.964
Hàng hóa	130.357.000	1.505.252.658
Hàng đang đi trên đường	-	768.099.007
TỔNG CỘNG	57.494.381.586	155.964.470.035
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(767.329.617)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	56.727.051.969	155.964.470.035

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn		
Phần mềm	3.494.136.938	2.595.824.218
Công cụ, dụng cụ	2.013.143.119	2.674.737.345
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.577.152.671	2.002.566.906
TỔNG CỘNG	7.084.432.728	7.273.128.469
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3.918.145.747	1.191.786.385
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.757.566.859	4.955.207.153
TỔNG CỘNG	8.675.712.606	6.146.993.538

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	243.578.184.258	210.938.896.341	45.508.561.780	43.792.617.283	543.818.259.662
Mua mới trong năm	127.000.000	4.166.625.270	6.808.456.254	337.946.364	11.440.027.888
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	879.745.947	804.677.978	-	-	1.684.423.925
Thanh lý trong năm	(4.250.000)	(1.240.570.362)	(1.161.663.122)	(452.250.582)	(2.858.734.066)
Khác	-	175.499.533	(2.101.283.873)	(487.465.090)	(2.413.249.430)
Số cuối năm	244.580.680.205	214.845.128.760	49.054.071.039	43.190.847.975	551.670.727.979
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	20.318.854.077	27.459.796.395	31.168.727.473	11.219.284.987	90.166.662.932
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(67.200.009.274)	(115.053.792.336)	(39.430.821.113)	(31.155.875.529)	(252.840.498.252)
Khấu hao trong năm	(11.768.337.068)	(19.314.280.418)	(1.876.957.734)	(7.185.172.829)	(40.144.748.049)
Thanh lý trong năm	2.479.167	1.240.570.362	1.131.924.300	452.250.582	2.827.224.411
Khác	-	259.444.444	4.555.556	97.778.182	361.778.182
Số cuối năm	(78.965.867.175)	(132.868.057.948)	(40.171.298.991)	(37.791.019.594)	(289.796.243.708)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	176.378.174.984	95.885.104.005	6.077.740.667	12.636.741.754	290.977.761.410
Số cuối năm	165.614.813.030	81.977.070.812	8.882.772.048	5.399.828.381	261.874.484.271

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số tài sản cố định của Nhóm Công ty đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như được trình bày tại TM số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	157.748.193.775	54.855.507.695	212.603.701.470
Mua mới trong năm	-	3.248.927.500	3.248.927.500
Khác	-	(1.009.755.579)	(1.009.755.579)
Số cuối năm	157.748.193.775	57.094.679.616	214.842.873.391
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	47.631.012.995	47.631.012.995
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(24.363.938.965)	(50.773.161.322)	(75.137.100.287)
Hao mòn trong năm	(3.088.858.632)	(2.676.312.964)	(5.765.171.596)
Khác	-	779.319.984	779.319.984
Số cuối năm	(27.452.797.597)	(52.670.154.302)	(80.122.951.899)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	133.384.254.810	4.082.346.373	137.466.601.183
Số cuối năm	130.295.396.178	4.424.525.314	134.719.921.492

(*) Số dư này bao gồm quyền sử dụng đất với giá trị 147.704.992.000 VND tại Số 32 Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố theo Hợp đồng Số 02/HĐMBN-QLKQN ký ngày 16 tháng 1 năm 2017. Nhóm Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan và đang thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tòa nhà văn phòng PECC2 Tower		
- Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Các công trình khác	706.124.383	540.710.747
TỔNG CỘNG	5.246.125.668	5.080.712.032

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 15.1)	401.904.436.940	374.632.102.780	
Đầu tư vào các đơn vị khác (TM số 15.2)	47.237.000.600	47.237.000.600	
TỔNG CỘNG	449.141.437.540	421.869.103.380	
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	(30.093.178)	-	
GIÁ TRỊ THUẦN	449.111.344.362	421.869.103.380	

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Nhóm Công ty				Quyền biểu quyết của Nhóm Công ty			
			Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC") (*)	Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	25,11%	25,11%	25,11%	25,11%	25,11%	25,11%	25,11%	25,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 ("TBC2")	Xá Thác Bà, Tỉnh Lào Cai		45,00%	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ ("SSC")	Xá Sơn Mỹ, Tỉnh Lâm Đồng		25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

(*) Nhóm Công ty đã sử dụng 6.585.000 cổ phần sở hữu, tương ứng với 7,22 % sở hữu tại CMC làm tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay của CMC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

	Giá trị đầu tư vào				VND
	CMC	TBC2	SSC	Tổng cộng	
Giá trị đầu tư:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán) và số cuối năm	228.885.000.000	95.382.900.000	87.410.250.000	411.678.150.000	
Phản lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi đầu tư vào các công ty liên kết:					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(60.383.493.179)	(3.655.654.159)	26.993.100.118	(37.046.047.220)	
Phản lũy kế lợi nhuận từ công ty liên kết	6.977.881.683	9.819.589.649	10.474.862.828	27.272.334.160	
Số cuối năm	(53.405.611.496)	6.163.935.490	37.467.962.946	(9.773.713.060)	
Giá trị còn lại					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	168.501.506.821	91.727.245.841	114.403.350.118	374.632.102.780	
Số cuối năm	175.479.388.504	101.546.835.490	124.878.212.946	401.904.436.940	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào các đơn vị khác

Công ty	Số cuối năm			Số đầu năm (chưa kiểm toán)		
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị gốc
	%	VND	VND	VND	%	VND
Các công ty niêm yết		18.406.850.600	78.758.049.202	-		18.406.850.600
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	5	16.750.000.000	74.540.180.700	-	5	16.750.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	0,45	1.656.850.600	4.217.868.502	-	0,45	1.656.850.600
						3.687.010.558
Các công ty khác		28.830.150.000	(*)	(30.093.178)		28.830.150.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang ("HBE")	10	23.296.300.000	(*)	-	10	23.296.300.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh ("TVBE") (**)	10	5.533.850.000	(*)	(30.093.178)	10	5.533.850.000
TỔNG CỘNG		47.237.000.600		(30.093.178)		47.237.000.600

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty đánh giá một cách chính thức. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị tổn thất dựa trên kế hoạch phát triển và tiến độ thực hiện dự án của các công ty này.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, một số cổ đông sáng lập của TVBE vẫn chưa thực hiện góp vốn đầy đủ vào TVBE theo các cam kết góp vốn ban đầu. Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông ngày 30 tháng 12 năm 2025, các cổ đông của TVBE đã thống nhất thông qua thời hạn góp vốn trước ngày 31 tháng 12 năm 2026. Do đó, Nhóm Công ty vẫn giữ 10% quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu trong TVBE tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên khác	195.306.638.853	195.306.638.853	361.872.092.973	361.872.092.973
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 33)	1.837.713.343	1.837.713.343	1.408.074.068	1.408.074.068
TỔNG CỘNG	197.144.352.196	197.144.352.196	363.280.167.041	363.280.167.041

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	984.346.947.269	21.395.630.576
Các bên khác trả tiền trước	975.507.715.332	18.535.991.724
Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Ban quản lý dự án chuyên ngành Điện	470.055.897.006	-
Công ty TNHH Điện sinh khối Erex Tuyên Quang	215.265.951.083	-
Công ty TNHH Điện sinh khối Erex Yên Bái	212.141.650.000	-
Khách hàng khác	78.044.217.243	18.535.991.724
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 33)	8.839.231.937	2.859.638.852
Dài hạn	2.241.081.250	2.241.081.250
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý - Nậm Mô	2.241.081.250	2.241.081.250
TỔNG CỘNG	986.588.028.519	23.636.711.826

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	23.975.997.878	(7.260.285.563)	16.715.712.315
Thuế giá trị gia tăng	3.055.306.293	95.179.016.063	(90.997.037.967)	7.237.284.389
Thuế thu nhập cá nhân	2.867.990.643	22.871.863.484	(23.667.135.914)	2.072.718.213
Khác	4.402.539	8.093.079.952	(5.959.870.142)	2.137.612.349
TỔNG CỘNG	5.927.699.475	150.119.957.377	(127.884.329.586)	28.163.327.266
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	25.586.204.459	52.704.665.428	(77.761.087.796)	529.782.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	293.031.662	-	(293.031.662)	-
TỔNG CỘNG	25.879.236.121	52.704.665.428	(78.054.119.458)	529.782.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Trích trước chi phí dự án	25.479.243.166	8.939.674.924
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	10.297.152.761	2.506.901.136
Dự án Nhà máy điện khí LNG Công Thanh	6.512.100.000	-
Dự án tuyến cáp ngầm Côn Đảo (Gói 12TV)	2.707.770.501	-
Các dự án khác	5.962.219.904	6.432.773.788
Chi phí dịch vụ bảo trì	4.771.715.392	32.332.110.220
Lãi vay	129.755.201	191.061.962
Chi phí khác	6.111.420.338	5.468.952.936
TỔNG CỘNG	36.492.134.097	46.931.800.042
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	34.277.839.924	44.534.135.099
Phải trả khác các bên liên quan ngắn hạn (TM số 33)	2.214.294.173	2.397.664.943

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	7.770.961.167	55.372.475.795
Phải trả liên quan dự án	1.310.362.956	1.310.362.956
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	1.152.817.984	1.420.974.972
Phải trả cổ tức	476.833.618	598.833.312
Lãi trả chậm thu hộ phải trả	109.969.716	5.127.444.797
Thu hộ phải trả	-	40.359.998.211
Khác	4.720.976.893	6.554.861.547
Dài hạn	1.738.574.028	1.558.376.028
Ký cược, ký quỹ	1.738.574.028	1.558.376.028
TỔNG CỘNG	9.509.535.195	56.930.851.823
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	9.399.565.479	16.570.853.612
Phải trả các bên liên quan ngắn hạn (TM số 33)	109.969.716	40.359.998.211

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Vay trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng (TM số 21.1)	133.450.227.085	238.506.016.965	(291.627.201.763)	80.329.042.287
Vay nhân viên (TM số 21.2)	7.574.450.000	900.000.000	(7.574.450.000)	900.000.000
TỔNG CỘNG	141.024.677.085	239.406.016.965	(299.201.651.763)	81.229.042.287

21.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn Khoản vay 1	25.413.549.730			
	18.750.925.175	Từ ngày 16 tháng 2 năm 2026 đến 17 tháng 3 năm 2026	4,6	Tín chấp
Khoản vay 2	6.662.624.555	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2026 đến 1 tháng 6 năm 2026	6,10 – 7,11	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	24.004.257.437	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2026 đến 26 tháng 6 năm 2026	4,6 – 6,5	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	16.734.698.406	Từ ngày 16 tháng 1 năm 2026 đến 20 tháng 5 năm 2026	4,5 – 5,0	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	14.176.536.714	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2026 đến 26 tháng 3 năm 2026	6,0 – 6,5	Tài sản cố định (TM số 12); Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (TM số 5 và 6); và Một số khoản phải thu (TM số 7)
TỔNG CỘNG	80.329.042.287			

21.2 Vay nhân viên ngắn hạn

Đây là các khoản vay tín chấp từ người lao động nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất 5,7%/ năm và đến hạn từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	21.859.186.988	22.806.723.632
Dự án Nhà máy Nhiệt điện		
Vĩnh Tân 4 mở rộng	20.576.843.244	20.601.843.244
Khác	1.282.343.744	2.204.880.388
Dài hạn	21.095.795.099	23.505.033.229
Dự án Nhà máy Điện gió Tân Thuận	10.389.868.860	10.846.849.547
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	5.521.127.798	7.818.048.627
Dự án Nhà máy Điện than Văn Phong 1	2.883.328.251	4.154.704.519
Khác	2.301.470.190	685.430.536
TỔNG CỘNG	42.954.982.087	46.311.756.861

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải trả trong năm:

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	46.311.756.861	63.836.702.804
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	5.670.483.584	16.780.744.131
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.834.289.427)	(4.590.945.370)
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(6.192.968.931)	(29.714.744.704)
Số cuối năm	42.954.982.087	46.311.756.861

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	56.502.762.918	53.420.298.853
Cộng: Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (TM số 25.1)	24.053.205.000	21.863.247.000
Trừ: Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi	(60.252.948)	(29.722.951)
Trừ: Sử dụng quỹ	(38.109.636.994)	(18.751.059.984)
Số cuối năm	42.386.077.976	56.502.762.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngắn hạn	3.152.887.321	2.953.850.505
Lợi nhuận chưa thực hiện (*)	2.794.532.535	2.595.495.719
Khác	358.354.786	358.354.786
Dài hạn	60.834.854.106	60.408.087.975
Lợi nhuận chưa thực hiện (*)	60.834.854.106	60.408.087.975
TỔNG CỘNG	63.987.741.427	63.361.938.480

(*) Đây là số dư phản ánh phần lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty và các công ty liên kết, liên quan đến hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp và được ghi nhận trong giá trị tài sản của các công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
								VND
Năm trước (chưa kiểm toán)								
Số đầu năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	380.193.662.909	210.652.054.051	-	6.688.200	1.283.678.153.379
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	75.529.290.162	-	-	75.529.290.162
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	-	(67.526.165.000)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	10.629.204.132	(10.629.204.132)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.863.247.000)	-	-	(21.863.247.000)
Số cuối năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	390.822.867.041	186.162.728.081	-	6.688.200	1.269.818.031.541
Năm nay								
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	390.822.867.041	186.162.728.081	-	6.688.200	1.269.818.031.541
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	94.635.699.467	-	-	94.635.699.467
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(67.526.165.000)	-	-	(67.526.165.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	(1.722.825)	-	(1.722.825)
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	-	12.934.081.168	(12.934.081.168)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(24.053.205.000)	-	-	(24.053.205.000)
Số cuối năm	675.261.650.000	4.922.641.050	12.641.457.169	403.756.948.209	176.284.976.380	(1.722.825)	6.688.200	1.272.872.638.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") của Công ty đã phê duyệt:

- chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ với tổng giá trị là 67.526.165.000 VND; và
- trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với giá trị lần lượt là 12.934.081.168 VND và 24.053.205.000 VND.

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm và số đầu năm (chưa kiểm toán)		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	%
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	34.659.056	346.590.560.000	51,33
Các cổ đông khác	32.867.109	328.671.090.000	48,67
TỔNG CỘNG	67.526.165	675.261.650.000	100

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm (chưa kiểm toán) và số cuối năm	675.261.650.000	675.261.650.000
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã công bố	67.526.165.000	67.526.165.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	67.656.616.000	67.791.659.000

25.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	67.526.165	67.526.165

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.5 Lãi trên cổ phiếu

Lợi nhuận và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)	Năm trước (đã trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	94.635.699.467	75.529.290.162	75.529.514.446
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(24.053.205.000)	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	94.635.699.467	51.476.085.162	75.529.514.446
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	67.526.165	67.526.165	67.526.165
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.401	762	1.119

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

25.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND
	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
	PPOM
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Vốn điều lệ đã góp	1.980.000.000
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Phần lợi nhuận sau khi thành lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	975.675.125
	2.955.675.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.264.622.237.840	1.252.747.473.084
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	49.319.225.074	99.864.310.590
Doanh thu bán điện	20.565.472.880	19.161.907.222
Doanh thu khác	84.720.353	239.573.565
TỔNG CỘNG	1.334.591.656.147	1.372.013.264.461
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	809.706.517.936	550.532.051.298
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 33)	524.885.138.211	821.481.213.163

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi tiền gửi	8.637.722.264	4.156.414.177
Cổ tức được chia	5.013.913.500	3.723.686.800
Lãi cho các khoản thanh toán trả chậm	3.105.750.398	8.747.340.557
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	693.590.537	2.232.084.811
TỔNG CỘNG	17.450.976.699	18.859.526.345

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.078.006.719.364	1.073.959.524.573
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	42.924.992.099	90.305.641.487
Giá vốn bán điện	14.834.638.795	13.421.874.902
TỔNG CỘNG	1.135.766.350.258	1.177.687.040.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	5.110.254.283	8.064.985.949
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.303.245.299	840.598.761
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư tài chính	30.093.178	-
Khác	8.850.939	-
TỔNG CỘNG	6.452.443.699	8.905.584.710

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí bán hàng	3.154.253.049	5.521.830.170
Chi phí dự phòng bảo hành	2.049.858.755	4.230.642.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.104.394.294	1.291.188.133
Chi phí quản lý doanh nghiệp	144.059.192.443	112.390.220.463
Chi phí nhân viên	44.227.922.021	49.459.560.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.120.962.069	21.093.357.652
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	18.029.166.651	(14.894.346.984)
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.491.144.968	8.544.462.288
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.226.003.503	5.012.187.438
Chi phí khác	48.963.993.231	43.174.999.071
TỔNG CỘNG	147.213.445.492	117.912.050.633

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Thu nhập khác	24.634.084.036	4.958.494.599
Thu nhập từ bồi thường của nhà cung cấp	23.104.174.622	9.551.050
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	-	4.022.030.176
Khác	1.529.909.414	926.913.373
Chi phí khác	(3.240.648.679)	(3.040.508.923)
Các khoản phạt	(342.364.002)	(3.008.838.587)
Chi phí khác	(2.898.284.677)	(31.670.336)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	21.393.435.357	1.917.985.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nhân viên	485.142.081.917	357.973.088.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.018.861.031	706.022.470.003
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.029.765.077	111.287.972.156
Chi phí khấu hao và hao mòn	45.849.666.697	48.085.020.293
Chi phí dự phòng	21.738.732.631	2.495.813.861
Chi phí khác	156.898.805.978	119.648.367.848
TỔNG CỘNG	1.184.677.913.331	1.345.512.732.194

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời ("các dự án") và chi nhánh Cơ điện trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án và chi nhánh Cơ điện được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2019 và năm 2020) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.975.997.878	11.026.678.053
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	3.937.761.940
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	(8.311.209.556)	2.221.239.565
TỔNG CỘNG	15.664.788.322	17.185.679.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.276.162.914	92.714.913.649
Thuế TNDN áp dụng cho Nhóm Công ty	22.255.232.583	18.542.982.730
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí thuế không được trừ	398.386.689	483.240.975
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	3.937.761.940
Phản lãi trong các công ty liên kết	(5.454.466.832)	(4.428.813.472)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.002.782.700)	(919.557.860)
Khác	(531.581.418)	(429.990.826)
Chi phí thuế TNDN	15.664.788.322	17.185.623.487

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)	
Lợi nhuận chưa thực hiện	17.822.888.740	12.600.716.739	5.222.172.001	(467.004.927)	
Chi phí phải trả	1.682.626.400	380.206.400	1.302.420.000	-	
Người mua trả tiền trước	727.109.004	727.109.004	-	727.109.004	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	72.000.000	84.930.450	(12.930.450)	84.930.450	
Dự phòng bảo hành	-	-	-	(481.166.338)	
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(322.041.605)	(726.013.273)	403.971.668	(726.013.273)	
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	(10.681.122.299)	(12.076.698.636)	1.395.576.337	(1.359.038.410)	
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	9.301.460.240	990.250.684			
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			8.311.209.556	(2.221.183.494)	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty mẹ: Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN")	Cung cấp dịch vụ	103.372.500	-
Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC")	Cung cấp dịch vụ Chi hộ Thu nhập tiền lãi Thu hộ phạt vi phạm hợp đồng	112.199.387.262 6.593.873.061 2.876.450.994 -	46.284.525.964 63.879.432.795 8.157.673.066 40.359.998.211
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ ("SSC")	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	6.912.918.273 -	6.694.630.220 874.102.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 ("TBC2")	Cung cấp dịch vụ Góp vốn	3.257.412.372 -	6.444.393.846 17.640.450.000
Đầu tư khác: Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang ("HBE")	Cung cấp dịch vụ Góp vốn Thu nhập tiền lãi	160.350.934.650 - -	538.021.147.527 1.679.100.000 589.667.491
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Nhận cổ tức	5.013.913.500	3.342.609.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh ("TVBE")	Góp vốn Cung cấp dịch vụ	- -	3.533.850.000 -
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Nhận cổ tức	-	381.077.800

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
VND			
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"):			
Ban Quản lý Dự án ("QLDA") các công trình điện Miền Bắc	Cung cấp dịch vụ	34.344.906.243	17.403.136.152
Ban QLDA Điện 3	Cung cấp dịch vụ	33.868.436.684	65.571.233.924
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	26.681.766.427	1.998.398.892
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo An Đông	Cung cấp dịch vụ	26.550.000.000	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	21.890.041.842	76.514.866.482
Công ty Mua bán điện	Bán điện	18.171.658.334	16.736.090.737
Chi nhánh ("CN") Tổng Công ty ("TCT") Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	11.190.537.707	2.132.569.022
Ban QLDA Truyền tải điện	Cung cấp dịch vụ	9.666.732.409	1.374.627.857
Ban QLDA Điện 2	Cung cấp dịch vụ	9.213.412.290	12.815.915.973
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Cung cấp dịch vụ	4.684.038.138	82.344.111
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Cung cấp dịch vụ	4.661.156.563	3.565.688.502
Công ty Thủy điện Ialy - EVN	Cung cấp dịch vụ	3.804.192.010	-
Công ty Điện lực Thủ Đức	Mua dịch vụ	3.299.029.988	3.164.352.197
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Mua dịch vụ	3.017.419.240	1.563.115.000
Công ty Thủy điện Đồng Nai - CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.923.372.786	5.449.338.721
	Điều chỉnh giảm doanh thu cung cấp dịch vụ	-	(50.221.593)

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
VND			
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Tập đoàn” hoặc “EVN”): (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh - CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.765.785.798	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát – Chi nhánh EVN	Cung cấp dịch vụ	2.535.370.368	819.728.106
Ban QLDA Điện 1	Cung cấp dịch vụ	2.265.609.992	-
Ban QLDA EVNGENCO1 – CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.697.307.668	-
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	Cung cấp dịch vụ	1.450.947.399	3.991.324.541
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.368.763.636	-
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.355.526.269	178.855.049
Điều chỉnh giảm doanh thu cung cấp dịch vụ		-	(209.473.733)
Bán điện		1.282.787.914	2.425.816.485
Mua dịch vụ		463.634.558	1.518.906.152
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Cung cấp dịch vụ	1.229.178.035	-
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Cung cấp dịch vụ	1.111.026.632	-
Công ty Điện lực Đồng Nai – CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH	Cung cấp dịch vụ	1.079.625.645	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN TCT Phát điện 3 - CTCP	Cung cấp dịch vụ	932.472.683	-
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	Cung cấp dịch vụ	835.866.812	178.325.000
Công ty Thủy điện Trị An - CN EVN	Cung cấp dịch vụ	801.782.518	591.669.891
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - CN EVN	Cung cấp dịch vụ	670.610.961	1.465.600.348
Công ty Thủy điện Sơn La	Cung cấp dịch vụ		

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Tập đoàn” hoặc “EVN”): (tiếp theo)			
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung	Mua dịch vụ	610.366.041	171.454.840
Công ty Truyền tải Điện 1	Cung cấp dịch vụ	604.155.046	252.814.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	601.249.715	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Cung cấp dịch vụ	524.594.700	494.181.818
	Mua dịch vụ	-	1.833.333
Công ty Truyền tải Điện 2	Mua dịch vụ	585.669.612	439.252.209
	Cung cấp dịch vụ	-	71.530.606
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - EVN	Mua dịch vụ	469.798.090	483.668.141
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Cung cấp dịch vụ	425.812.783	406.481.481
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	419.638.636	277.273.350
Công ty Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ	403.117.380	-
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	367.632.954	-
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Cung cấp dịch vụ	341.558.648	
Công ty Điện lực Sài Gòn	Mua dịch vụ	230.180.831	211.220.347
Ban QLDA Lưới điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	137.702.500	-
Công ty Điện lực Phú Thọ	Mua dịch vụ	121.005.448	477.547.212
Công ty TNHH MTV Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	Mua dịch vụ	97.314.815	127.986.097
Công ty Điện lực Lâm Đồng	Mua dịch vụ	80.308.723	97.661.917
Công ty Truyền tải điện 4	Cung cấp dịch vụ	24.435.364	798.459.873

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày
33. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)	VND
Công ty cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Tập đoàn" hoặc "EVN"): (tiếp theo)				
Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ	Mua dịch vụ	18.697.678	15.940.118	
Công ty Truyền tải Điện 3	Cung cấp dịch vụ	-	5.116.409.764	
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	-	3.217.326.167	
Công ty Nhiệt điện Móng Dương	Cung cấp dịch vụ	-	366.204.080	
Công ty Điện lực Trà Vinh	Mua dịch vụ	-	160.607.976	
Công ty Điện lực Cà Mau	Mua dịch vụ	-	102.574.467	
Công ty Điện lực Đắk Lắk - Điện Lực Phú Hòa	Mua dịch vụ	-	28.499.706	
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung - CN TCT Điện lực Miền Trung	Mua dịch vụ	-	10.793.519	
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Điện lực Ninh Thuận	Mua dịch vụ	-	806.620	
Cổ đông lớn của Công ty con:				
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Biển Hải Vân	Cung cấp dịch vụ	9.178.301.665	-	
	Góp vốn vào PPOM	1.960.000.000	-	
	Mua dịch vụ	50.183.526	-	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty liên kết:			
CMC	208.060.426.144		279.207.752.961
TBC2	200.000.000		1.719.686.700
SSC	9.848.539.676		6.539.988.372
Đầu tư khác:			
HBE	71.372.437.720		42.222.447.546
TVBE	2.960.542.857		2.960.542.857
Cổ đông lớn của Công ty con:			
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Biển Hải Vân	2.943.324.547		-
Công ty cùng Tập đoàn EVN:			
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân - CN TCT Phát điện 3	54.050.434.910		54.050.434.910
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	40.873.721.702		12.141.504.983
Ban QLDA Điện 3	34.741.120.899		36.167.547.272
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo An Đông	28.674.000.000		-
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	26.244.564.671		40.612.377.428
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	23.974.355.961		17.158.721.583
Công ty Mua bán Điện	9.257.090.604		7.279.609.780
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	7.915.377.004		1.345.852.498
Ban QLDA Điện 2	7.034.035.178		7.233.097.992

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
Công ty cùng Tập đoàn EVN: (tiếp theo)			
Ban QLDA Điện 1	4.754.386.933	2.528.662.232	
Ban QLDA Truyền tải điện	4.174.843.383	2.760.915.840	
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	4.166.583.885	3.759.801.365	
Công ty Thủy điện Ialy - CN EVN	4.148.342.569	552.351.048	
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	3.482.872.238	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh - CN TCT Phát điện 1	2.659.613.751	-	
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát - EVN	1.696.713.831	885.306.354	
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát Điện 1	1.478.264.727	-	
Ban QLDA Nhiệt Điện 3	1.283.403.624	2.594.345.172	
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	1.121.952.600	-	
Công ty Thủy điện Đồng Nai - CN TCT Phát điện 1	1.000.000.000	4.390.142.600	
Ban QLDA Điện hạt nhân Ninh Thuận	780.525.747	-	
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	671.664.206	671.664.206	
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	649.349.692	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	598.850.179	577.972.372	
Công ty Truyền tải điện 1	405.866.448	422.274.318	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	404.319.282	2.561.844.320	
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	397.043.590	-	



Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
Công ty cùng Tập đoàn EVN: (tiếp theo)			
Ban QLDA Thủy điện 6	317.460.939	317.460.939	
Ban QLDA EVNGENCO1 – CN TCT Phát điện 1	216.083.376	-	
Ban QLDA Lưới điện Miền Nam	148.718.700	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	140.125.556	311.508.995	
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - CN EVN	108.755.937	593.211.482	
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	90.501.000	90.501.000	
TCT Phát điện 1	22.409.661	22.409.661	
Công ty Thủy điện Sơn La	-	864.007.129	
Công ty Truyền tải điện 4	-	714.043.559	
TCT Điện Lực Thành Phố Hà Nội	-	691.815.311	
Công ty Truyền tải điện 3	-	491.221.066	
Công ty Nhiệt Điện Mông Dương	-	395.500.406	
Công ty Điện lực Kiên Giang	-	14.036.017	
Công ty Truyền tải điện 2	-	219.621	
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	-	22.711	
TỔNG CỘNG	563.068.623.727	534.850.802.606	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
Phải thu ngắn hạn khác về chi hộ			
Công ty liên kết:			
CMC	-	5.125.400.761	
Phải thu ngắn hạn khác về nhận cổ tức			
Đầu tư khác:			
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	1.671.304.500	-	
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	-	99.411.600	
TỔNG CỘNG	1.671.304.500	5.224.812.361	
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua dịch vụ			
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:			
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Xi nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	-	157.950.900	
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam	-	50.000.000	
TỔNG CỘNG	-	207.950.900	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
<i>Phải trả người bán ngắn hạn về mua dịch vụ</i>			
Công ty liên kết:	116.640.000	-	
CMC			
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:			
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	402.733.070	92.836.260	
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	350.292.780	-	
CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	290.879.165	826.610.840	
Công ty Viễn thông và Công nghệ Thông tin - EVN	258.388.950	258.388.950	
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	203.040.000	-	
Công ty Truyền Tải Điện 2	158.130.795	158.130.795	
Công ty Điện lực Cà Mau	39.044.328	32.139.945	
Công ty Điện lực Lâm Đồng	10.689.255	11.445.533	
Công ty TNHH MTV Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	7.875.000	11.300.000	
Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ	-	17.215.327	
Công ty Điện lực Sài Gòn	-	6.418	
TỔNG CỘNG	1.837.713.343	1.408.074.068	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
		VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn về cung cấp dịch vụ		
Công ty mẹ:		
EVN	161.572.159	223.595.659
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:		
Tổng Công ty phát điện 3 - CTCP	5.000.554.365	-
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	1.327.404.300	2.633.053.430
Công ty Truyền tải điện 3	908.801.034	-
Công ty Truyền tải điện 2	872.143.148	-
Công ty Truyền tải điện 4	565.767.168	-
Công ty Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
	8.839.231.937	2.859.638.852

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	VND
<i>Trích trước chi phí ngắn hạn về mua dịch vụ</i>			
Công ty trong cùng Tập đoàn EVN:			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.901.032.000	1.901.032.000	
Công ty Điện lực Thủ Đức	119.900.801	89.695.030	
Công ty Điện lực Đồng Nai – CN TCT Điện lực Miền Nam TNHH	86.316.773	-	
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – CN EVN	83.434.088	200.241.810	
Công ty Điện lực Sài Gòn	23.610.511	16.120.061	
Công ty Truyền tải Điện 2	-	146.417.402	
Công ty Điện lực Lâm Đồng	-	22.427.046	
Công ty Điện lực Cà Mau	-	19.280.614	
Công ty Điện lực Đắk Lắk	-	2.450.980	
	2.214.294.173	2.397.664.943	
<i>Phải trả ngắn hạn khác về thu hộ</i>			
Công ty liên kết:			
CMC	109.969.716	40.359.998.211	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục và tiền lương, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"). Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập		VND
		Năm nay	Năm trước	
		(chưa kiểm toán)		
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.008.000.000	507.960.000	
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	943.200.000	489.144.000	
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	823.200.000	432.708.000	
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	432.708.000	
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	660.000.000	432.708.000	
Thù lao của Hội đồng Quản trị				
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT	163.200.000	82.800.000	
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT	163.200.000	82.800.000	
Thu nhập của Kế toán trưởng				
Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	540.000.000	395.076.000	
Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát				
Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban Kiểm soát	168.000.000	86.400.000	
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	163.200.000	82.800.000	
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	163.200.000	82.800.000	
TỔNG CỘNG		5.455.200.000	3.107.904.000	

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, máy móc thiết bị và dịch vụ xây lắp, vận hành nhà máy điện, bán điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động – Nhóm Công ty là bên đi thuê

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất, thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Dưới 1 năm	5.328.997.503	5.193.765.577
Từ 1 đến 5 năm	21.195.730.013	20.466.712.310
Trên 5 năm	148.357.624.736	148.049.109.367
TỔNG CỘNG	174.882.352.252	173.709.587.254

Cam kết cho thuê hoạt động – Nhóm Công ty là bên cho thuê

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Dưới 1 năm	7.193.228.308	8.505.034.168
Từ 1 đến 5 năm	3.791.952.000	6.195.388.540
TỔNG CỘNG	10.985.180.308	14.700.422.708

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	11.168.789,21	1.935.187,44
Ngoại tệ - Rúp Nga (RUB)	237.520	7.520
Ngoại tệ - Yên Nhật (JPY)	352.000	352.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho tài chính kết thúc cùng ngày

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2026



Hoàng Thụy Hoài Yến
Người lập



Bùi Thị Ngọc Lý
Kế toán trưởng



Phạm Liên Hải
Phó Tổng Giám đốc

